



Published by  
**giz** Deutsche Gesellschaft  
für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



BỘ CÔNG THƯƠNG - MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE  
**CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**  
VIETNAM TRADE PROMOTION AGENCY

## **DỰ ÁN HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ HỢP TÁC KINH TẾ KHU VỰC CHÂU Á (SRECA)**

### **QUY TRÌNH CẤP MÃ QR CODE (Áp dụng cho nhà sản xuất)**

**SỐ HIỆU:** SX-QL013  
**BẢN SAO SỐ:** 00  
**LẦN BAN HÀNH:** 01  
**NGÀY BAN HÀNH:**

<b>NGƯỜI BIÊN SOẠN</b>	<b>NGƯỜI SOÁT XÉT</b>	<b>NGƯỜI PHÊ DUYỆT</b>



<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 1/26

## MỤC LỤC

### LỜI NÓI ĐẦU

- 1. Phạm vi áp dụng**
- 2. Định nghĩa và từ viết tắt**
- 3. Tài liệu tham khảo**
- 4. Mục đích áp dụng tài liệu**
- 5. Nội dung quy trình**
  - 5.1 Các bước cơ bản
  - 5.2 Trách nhiệm của các đơn vị
  - 5.3 Lưu đồ quy trình kiểm soát và cấp mã QR
  - 5.4 Xác định nguyên nhân khi xảy ra sự cố
  - 5.5 Hành động khắc phục
- 6. Biểu mẫu áp dụng**
- 7. Khuyến nghị áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc XTTM**
- 8. Lưu ý khi tham gia vào cổng TXNG xúc tiến thương mại**
- 9. Lưu ý cho Cục Xúc tiến thương mại về bộ quy trình Quản lý chất lượng**

### PHỤ LỤC 1

### PHỤ LỤC 2

### PHỤ LỤC 3

### PHỤ LỤC 4

### PHỤ LỤC 5

# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 2/26

## LỜI NÓI ĐẦU

Các Quy trình được xây dựng theo sự đặt hàng của Dự án và của Cục XTTM. Nhóm tư vấn thống nhất với chủ Dự án cùng xây dựng các thông tin cơ bản sau để dùng chung cho các Quy trình và Bộ Quy trình, gồm:

1. Sổ tay chất lượng: Đây là hoạt động không nằm trong yêu cầu của Dự án, xây dựng để hỗ trợ lại cho Cục XTTM tham khảo và có cơ sở sử dụng các Bộ quy trình.

2. Mục tư vấn/Lưu ý gồm:

a. Khuyến nghị áp dụng hệ thống XTNG XTTM

b. Lưu ý cho Cục XTTM với vai trò vận hành hệ thống XTNG XTTM

3. Phân tích tình huống thực tế: Nhóm tư vấn thống nhất cùng xây dựng Tình huống thực tế được thu thập dựa trên sự việc có thật được truyền thông rộng rãi. Các dữ liệu đều được giữ nguyên bản. Tuy nhiên, các phân tích theo từng góc độ dựa vào các chức năng của TXNG và từng bộ quy trình để giúp cho đơn vị điều hành hệ thống hiểu rõ hơn về bản chất của từng Quy trình và cả Bộ quy trình. C

4. Các thông tin nền: Tình hình thế giới liên quan đến TNXG, tình hình trong nước liên quan đến TXNG, Các thông tin nền do Cục XTTM cung cấp như Sơ đồ vận hành hệ sinh thái XTTM, thông tin liên quan đến Hệ thống TXNG XTTM, sơ đồ về hệ thống XTTM, các trao đổi/phỏng vấn với Cục XTTM để đưa vào Quy trình.

Các Quy trình này xây dựng riêng cho hệ sinh thái XTNG XTTM hay hệ thống TXNG XTTM. Đây là sản phẩm do tư vấn phát triển dựa trên nghiên cứu thực tế và kinh nghiệm thực tế, có trao đổi thông tin với Cục XTTM. Đây không phải văn bản chính thống và buộc phải áp dụng, Cục XTTM có thể nghiên cứu và áp dụng, phục vụ công việc và theo mục đích của hoạt động. Các tài liệu này không đề xuất dùng cho các hệ thống TXNG khác, ngoài hệ thống của cục XTTM.

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 3/26

## QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR CODE

### 1. Phạm vi áp dụng

- Đây là khái niệm khá mới đối với nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã và cả người tiêu dùng.

Thông tin nhanh về mã QR:

- QR Code, viết tắt của Quick response code (Mã phản hồi nhanh hay mã vạch ma trận là dạng mã vạch hai chiều (2D) có thể được đọc bởi điện thoại thông minh có chức năng chụp ảnh với ứng dụng chuyên biệt để quét mã vạch.

- Một mã QR có thể chứa đựng thông tin một địa chỉ web (URL), thời gian diễn ra một sự kiện, thông tin liên hệ, địa chỉ email, tin nhắn SMS, nội dung ký tự văn bản hay thậm chí là thông tin định vị vị trí địa lý.

- Tem QR Code là loại tem hiện nay được ứng dụng rất nhiều trong cuộc sống, mang lại nhiều lợi ích, tiện dụng...

Với đặc điểm mã QR Code đáp ứng nhanh, nên hiện nay mã QR Code đã được ứng dụng phổ biến hầu hết các lĩnh vực trong cuộc sống như: Ngân hàng, thanh toán, quản lý các công đoạn trong sản xuất, bao bì sản phẩm... đặc biệt được ứng dụng trong việc truy xuất thông tin, nguồn gốc sản phẩm, giúp người tiêu dùng nhận diện sản phẩm chính hãng, giúp nhà sản xuất quản lý lưu thông sản phẩm tới tay người tiêu dùng.

- Quy trình này được áp dụng cho các đơn vị khi tham gia chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản bao gồm cả người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm có dán tem truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại.

Quy trình này được viết và áp dụng cho Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại, do Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương là đơn vị quản lý và triển khai hoạt động.

Phạm vi áp dụng của tài liệu này được xác định liên quan đến thời gian, phạm vi thông tin và đối tượng áp dụng.

**Thời gian:** Thời gian hoàn thành Quy trình này dự kiến tháng 3/2021, việc áp dụng được tính từ thời điểm này và trong suốt quá trình vận hành hệ thống TXNG. Quy trình

<h1 style="margin: 0;">QUY TRÌNH</h1> <h2 style="margin: 0;">KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</h2>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 4/26

này có thể được bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với tiêu chí vận hành của Hệ sinh thái và hệ thống TXNG. Việc sửa đổi hay bổ sung cần được tiến hành dựa trên những căn cứ thực tế và khoa học, đảm bảo hỗ trợ hiệu quả cho các thành tố tha gia hệ thống.

**Về phạm vi thông tin:** Tài liệu được thu thập và nghiên cứu dựa trên các tài liệu về ISO, VietGAP, Global GAP, các hệ thống TXNG từ 2017 trở lại và dựa trên kinh nghiệm của nhóm chuyên gia để tham vấn lại cho đơn vị sử dụng.

**Về đối tượng sử dụng quy trình:** Tài liệu hướng tới 02 đối tượng chính (1) Cục XTTM là đơn vị vận hành hệ sinh thái TXNG; (2) các đối tác, nhà sản xuất hay doanh nghiệp sử dụng tem nhãn cho sản phẩm. Đây là hai đối tượng liên quan chính đến tính năng, đặc điểm, bản chất và nội dung của mã QR. Còn các đối tượng khác như các tổ chức XTTM, tổ chức hỗ trợ thương mại, các đối tác trong chuỗi cung ứng, khách hàng cuối cùng sử dụng sản phẩm là những người sử dụng mã QR với mục tiêu cần minh bạch thông tin, cần kiểm chứng dữ liệu.

## 2. Định nghĩa và từ viết tắt

- Các từ viết tắt tuân theo quy định trong sổ tay chất lượng.
- NCU: nhà cung ứng
- iTrace247: Là hệ thống TXNG được Cục XTTM đặt tên cho hệ thống của mình
- TXNG: Truy xuất nguồn gốc
- XTTM: Xúc tiến thương mại
- CL: Chất lượng
- QL: Quản lý
- DN: Doanh nghiệp
- ICM: Quản lý cây trồng tổng hợp
- IPC: Quản lý dịch hại tổng hợp
- QMS: Hệ thống quản lý chất lượng
- HACCP: Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn
- SSOP

## 3. Tài liệu tham khảo

Các tài liệu tham khảo cơ bản gồm các tiêu chuẩn bền vững tự nguyện, đặc biệt là GLOBAL G.A.P và VietGAP. Với tài liệu GlobalGAP, mục tham khảo đặc biệt quan trọng là truy xuất nguồn gốc

# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 5/26

STT	KÝ HIỆU	ĐIỂM KIỂM SOÁT	MỨC ĐỘ TUÂN THỦ
		<b>Kiểm soát và cấp mã QR code</b>	
<b>1</b>	<b>SX-QL 13.1</b>	Nhà máy có tuân thủ quy trình tạo mã quản lý lô tem, gắn mã lô tem theo lô hàng và xuất lô tem hay không?	<p>- Quản lý và sử dụng tem truy xuất cho sản phẩm thành phẩm và cập nhật thông tin cho từng lô thành phẩm, kế thừa thông tin của các công đoạn trước cho sản phẩm( từ khâu nguyên liệu nhập ký tại nông trại...)</p> <p>Tạo phiếu xuất kho điện tử xuất bán sản phẩm và mã hoá thông tin lô hàng thông qua mã Qr-code</p>
<b>2</b>	<b>SX-QL 13.2</b>	Nhà sản xuất có tuân thủ các quy trình dán tem QR đã được hướng dẫn hay không ?	Thực hiện việc Giám sát hồ sơ sản xuất theo từng: mã số vùng trồng, lô, theo vụ, theo khu vực sản xuất và đối chiếu thời gian thực trên hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại
<b>3</b>	<b>SX-QL 13.3</b>	Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin tem QR sản phẩm hay không ?	Thực hiện việc bảo mật thông tin theo quy định của nhà nước sở tại và theo hợp đồng với khách hàng theo từng trường hợp cụ thể
<b>4</b>	<b>SX-QL 13.4</b>	<p>- Thống kê sản lượng theo thời gian cho từng lô chế biến, từng mặt hàng</p> <p>Hay không ?</p>	Thống kê sản lượng theo thời gian cho từng lô chế biến trên cùng hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 6/26

#### 4. Mục đích áp dụng tài liệu

##### Mục đích

Xây dựng quy trình nhất quán áp dụng việc tạo mã QR cho hệ thống TXNG XTTM. Các đối tượng tham gia vào hệ thống hiểu về bản chất và biết cách sử dụng.

Quy trình nhằm hướng dẫn và phân định trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp. Xử lý và khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thực hiện công việc sản xuất kinh doanh của công ty.

Quy trình cũng nhằm phân định trách nhiệm khi xảy ra sự cố, đây cũng là cơ sở giải quyết vấn đề liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia, cũng như việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng trước các sản phẩm hàng không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

##### - Chi tiết về đối tượng áp dụng:

Với quy trình kiểm soát và cấp mã QR, đơn vị vận hành hệ thống là đối tượng đầu tiên và đối tượng chính. Đây là đơn vị chịu trách nhiệm chính về việc tạo và cấp mã QR cho khách hàng.

Doanh nghiệp sản xuất hay đơn vị sử dụng tem nhãn được hướng dẫn và huấn luyện để hiểu cụ thể về hoạt động liên quan đến QR

Các đối tượng khác như các tổ chức XTTM, tổ chức hỗ trợ thương mại, các đối tác trong chuỗi cung ứng, khách hàng cuối cùng sử dụng sản phẩm là những người sử dụng mã QR với mục tiêu cần minh bạch thông tin, cần kiểm chứng dữ liệu.

#### 5. Nội dung quy trình

##### 5.1 Các bước cơ bản

###### Bước 1: Kiểm tra

- Đơn vị sản xuất, thu mua đóng gói tại địa phương về cơ sở sản xuất, thu mua, đóng gói

- Kiểm tra đơn vị trồng trọt xác định lô hàng sẽ thu hoạch, tiến hành lấy mẫu lấy mẫu xét nghiệm

- Gửi mẫu lên phòng xét nghiệm

- Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ và giám sát hoạt động sản xuất.

###### Bước 2. Phòng xét nghiệm

- Hướng dẫn lấy mẫu theo quy trình của phòng xét nghiệm

- Tiến hành phân tích mẫu theo yêu cầu của bên mua hoặc theo thông tư 50 của Bộ Y tế



# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 7/26

- Lưu mẫu và phân tích kiểm nghiệm
- Trả kết quả theo quy trình

### Bước 3. Phòng quản lý chất lượng

- Căn cứ kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu từ phòng xét nghiệm
- Căn cứ từ hồ sơ giám sát của đơn vị giám sát độc lập đạt yêu cầu

### Bước 4. Hệ thống truy xuất xứ tiến thương mại .

- Nhận thông tin yêu cầu từ đơn vị sản xuất về việc tiến hành áp dụng truy xuất nguồn gốc

- Thu tập dữ liệu từ:

+ Đơn vị trồng về nhật ký sản xuất dưới dạng hồi ký để cập nhật dữ liệu của lô sản xuất, sản lượng dự kiến.

+ Đơn vị giám sát xác minh lô hàng có đúng với lô/ thửa do đơn vị sản xuất cung cấp hay không? Thông tin lấy mẫu phẩm xét nghiệm từ đơn vị giám sát gửi về phòng xét nghiệm.

+ Thông tin từ phòng xét nghiệm , hồ sơ mẫu phẩm, kết quả mẫu phẩm.

+ Thông tin giấy chứng nhận (nếu có)

- Sau khi đủ thông tin về sản phẩm, điều kiện về chất lượng, tiến hành cấp tem QR code cho lô hàng theo quy trình cấp tem cho đơn vị đóng gói sản xuất khi đã đủ các điều kiện của các bước 1,2,3 trên.

- Giám sát sử dụng tem, tiến hành cảnh báo người dùng hoặc thu hồi nếu phát hiện gian lận trong quá trình người sản xuất sử dụng tem truy xuất xứ tiến thương mại.

### **Lưu ý: Thời gian tạo mã QR phụ thuộc vào các yếu tố:**

- Một chu trình tạo mã QR phụ thuộc vào từng sản phẩm và từng giai đoạn sản xuất, chế biến hay phân phối. Do đó, quy trình tạo mã QR code thường ít khi quy định thời gian cụ thể kèm theo.

- Để tạo mã QR đáp ứng đúng về TXNG, đơn vị sản xuất hay đơn vị sử dụng tem QR cần hiểu và triển khai các bước nhập liệu đúng và chính xác. Đây là hoạt động có tầm quan trọng đặc biệt, cần có các bước triển khai thí điểm (cho các đơn vị mới, các HTX, các DN nhỏ).

Bản chất của nguồn gốc sản phẩm:

Thực tế, nguồn gốc sản phẩm là lịch sử hình thành nên sản phẩm. Đây là một quá trình, thường qua từng giai đoạn theo thứ tự rõ ràng gồm giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối.

# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 8/26

Truy xuất nguồn gốc chính là là khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình sản xuất, chế biến, phân phối. Nói cách khác, TXNG là khả năng tìm ra nguồn gốc một loại sản phẩm (thực phẩm, thức ăn gia súc, hợp chất, thức ăn gia súc), thông qua các giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối.

Về bản chất, nguồn gốc sản phẩm là các thông tin sản phẩm theo từng công đoạn sản xuất. Đây là thông tin cả một giai đoạn, hoặc từng công đoạn cụ thể, không phải đơn giản là một thông chủ quan hoặc thông tin cơ bản được đưa lên nhằm mục đích đánh bóng sản phẩm hoặc chỉ làm thỏa mãn những yêu cầu trực quan của khách hàng. Thông tin nào đưa lên và đưa theo trình tự như thế nào là do chủ sở hữu của tem nhãn (QR) quyết định. Về bản chất, mã QR được sử dụng để chứa thông tin.

Truy xuất nguồn gốc là quá trình tìm lại nguồn gốc của một sản phẩm, cụ thể hơn là tìm lại các thông tin liên quan đến từng công đoạn sản xuất, vận chuyển và phân phối. Hiểu được bản chất của TXNG, thông tin đưa vào mã QR

## 5.2 Trách nhiệm của các đơn vị

### 5.2.1 Quy định cho vùng trồng/khu vực chăn nuôi, chăm sóc

- Sản xuất theo quy trình (VietGAP hay GlobaGAP...), hoặc chăm sóc theo quy trình sản xuất sạch, có quy trình sản xuất cụ thể cho từng loại cây trồng hoặc vật nuôi để theo dõi và kiểm soát.

- Quy trình thu hoạch sản phẩm cho từng loại nông sản.

- Quy trình giết mổ đối với vật nuôi/gia súc/gia cầm

- Hồ sơ lưu trữ và theo dõi trong quá trình sản xuất.

- Để tham gia vào hệ thống TXNG XTTM, đơn vị sản xuất hay DN cung ứng sản phẩm cuối cùng cần được nâng cao năng lực về bản chất của TXNG. Đây là quy trình cơ bản áp dụng cho vùng trồng/khu vực chăn nuôi để đủ điều kiện tham gia vào hệ thống TXNG.

### 5.2.2 Giám định hàng hóa

- Đơn vị giám định chịu trách nhiệm giám sát quá trình sản xuất/chăm sóc và quá trình thu hoạch/giết mổ dựa theo quy trình này để đảm bảo thông tin cũng như quá trình sản xuất được an toàn.

- Lấy mẫu nông sản, xét nghiệm trước khi thu hoạch theo đúng quy cách và thời gian.

- Có test mẫu đối với sản phẩm nông sản và sản phẩm thực phẩm theo quy trình, nhập liệu lên hệ thống TNXG

# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 9/26

- Trong hệ thống TXNG XTTM, đơn vị giám định có thể là đơn vị nằm trong hệ sinh thái, đã được thẩm định về chất lượng và năm kinh nghiệm cũng như uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

## 5.2.3 Phòng xét nghiệm

- Phối hợp với đơn vị giám định, xét nghiệm các mẫu phẩm (nông sản và thực phẩm tươi sống) hàng hóa theo tiêu chuẩn, quy định của từng loại.

## 5.2.4. Nhà máy chế biến, đóng gói

- Nhà máy chế biến, đóng gói sản phẩm theo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đảm bảo chất lượng trước và sau khi chế biến, đóng gói.

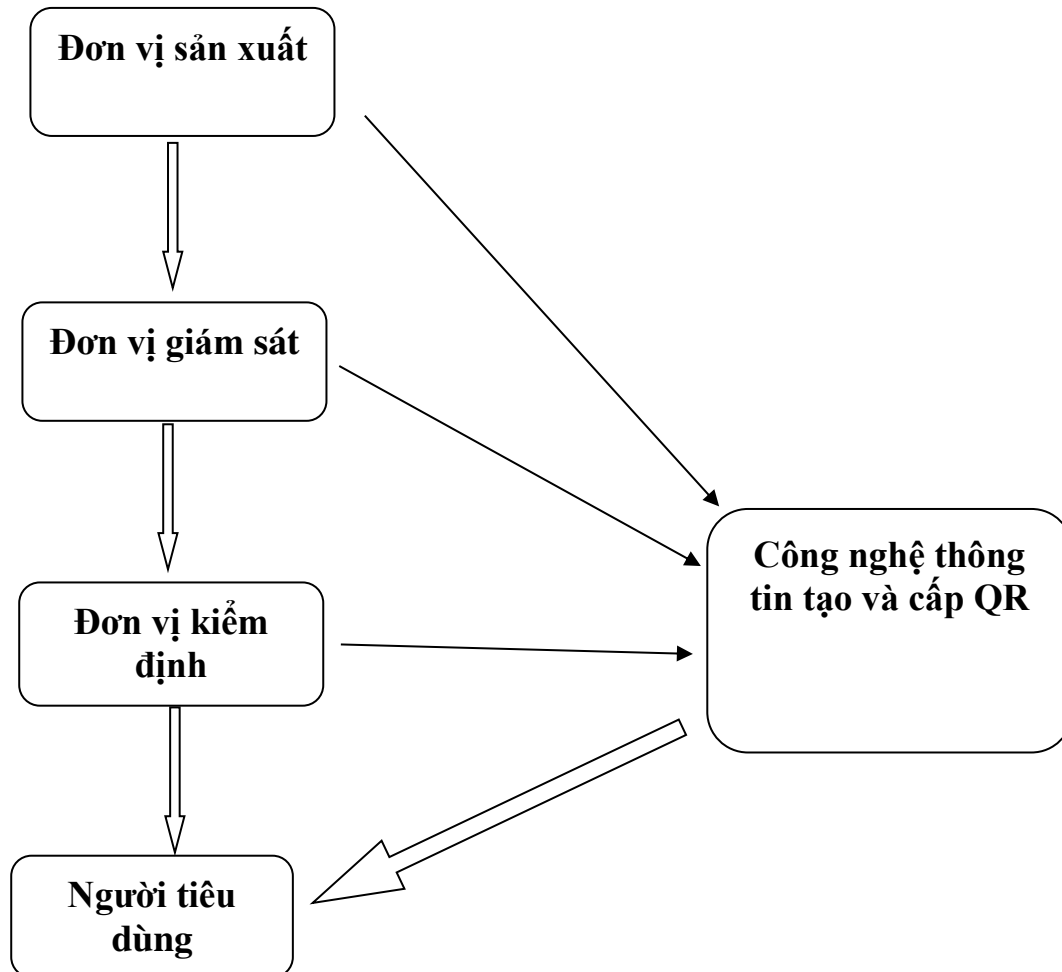
- Tuân thủ quy trình giám sát và cấp mã QR trong chuỗi truy xuất nguồn gốc.

- Đây là đơn vị nằm trong chuỗi cung ứng của sản phẩm truy xuất.

## 5.2.5 Đơn vị công nghệ thông tin

- Căn cứ vào dữ liệu của các đơn vị trong chuỗi cung ứng gồm vùng trồng, đơn vị giám định, phòng xét nghiệm, nếu đủ các yếu tố theo đúng quy trình và quy định của hệ thống như minh bạch, an toàn VSTP đơn vị CNTT sẽ khởi tạo mã QR và tiến hành in, cấp mã.

## 5.3 Lưu đồ quy trình kiểm soát và cấp mã QR



<h1 style="margin: 0;">QUY TRÌNH</h1> <h2 style="margin: 0;">KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</h2>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 10/26

### 5.4 Xác định nguyên nhân khi xảy ra sự cố

Tùy thuộc vào tình trạng của lô hàng mà phân ra các trường hợp sau:

#### **5.4.1 Nguyên nhân xuất phát từ vùng sản xuất:**

Kỹ thuật viên tiến hành kiểm tra (đối với sản phẩm nông sản, rau, trái...):

+ Nhật ký sản xuất điện tử trên hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại

+ Phiếu mua thuốc, phân bón trên hệ thống truy xuất nguồn gốc

+ Phiếu theo dõi sử dụng thuốc, phân bón trên hệ thống truy xuất nguồn gốc

+ Nhật ký thu hoạch trái cây trên hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại

Kỹ thuật viên tiến hành kiểm tra (đối với sản phẩm thực phẩm, chăn nuôi)

+ Nhật ký điện tử trên hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại liên quan đến chăm sóc vật nuôi

+ Phiếu mua thức ăn trên hệ thống truy xuất nguồn gốc

+ Phiếu theo dõi tiêm chủng, chăm sóc sức khỏe định kỳ trên hệ thống truy xuất nguồn gốc

+ Tài liệu liên quan đến kiểm định chất lượng, test mẫu, vv...

+ Nhật ký về chu trình giết mổ, vận chuyển, bảo quản, trên hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại

#### **5.4.2 Nguyên nhân xuất phát từ đơn vị giám định, giám sát:**

Kỹ thuật viên tiến hành kiểm tra:

+ Kiểm tra quy trình lấy mẫu

+ Kiểm tra ghi chép và đối chiếu thông tin giữa vùng trồng, khu vực chăm sóc vật nuôi và đơn vị giám sát trên hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại

+ Kiểm tra quy trình cấp và dán tem tại vùng trồng, tại khu vực nuôi hoặc nơi nhà máy chế biến, đối chiếu lô tem được cấp tương ứng lô sản phẩm chế biến căn cứ theo hợp đồng mua tem của đơn vị sản xuất.

#### **5.4.3 Nguyên nhân xuất phát từ đơn vị kiểm thử:**

Kỹ thuật viên tiến hành kiểm tra:

+ Kiểm tra thông tin nhận mẫu.

+ Kiểm tra mẫu lưu.

+ Kiểm tra thông tin cung cấp cho đơn vị giám sát.

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 11/26

+ Kiểm tra thông tin đối chiếu trên hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại.

## **5.5 Hành động khắc phục**

### **5.5.1 Đối với lỗi sai tại vùng trồng/tại khu vực chăm sóc, chăn nuôi**

Sau khi phát hiện những sai lỗi tại vùng trồng/tại khu vực chăm sóc gia súc/gia cầm, kỹ thuật viên và những người có liên quan chịu trách nhiệm tìm hiểu nguyên nhân, cô lập vùng nguyên liệu/khu vực chăm sóc và đưa ra biện pháp xử lý, phòng ngừa phù hợp theo SX-QL13-BM1

### **5.5.2 Đối với lỗi sai do đơn vị giám sát và kiểm thử**

Tùy thuộc vào tình trạng của lô hàng mà phân ra các trường hợp sau:

+ Cô lập sản phẩm, lập báo cáo xử lý sản phẩm không phù hợp và tiến hành xử lý lô hàng theo thủ tục kiểm soát sản phẩm không phù hợp theo SX-QL10 đối với các lô hàng chưa chuyển giao đến tay khách hàng (đang trong quá trình chuyển giao).

+ Tiến hành cô lập các sản phẩm có liên quan đến lô sản phẩm không phù hợp, còn đang được lưu trữ, bảo quản thuộc quyền kiểm soát của Công ty

+ Kiểm tra 100% sản phẩm còn lại, nếu kết quả kiểm tra cho thấy đạt yêu cầu tiêu chuẩn thì mới cho xuất, nếu kết quả kiểm tra cho thấy không đạt yêu cầu tiêu chuẩn thì tách riêng và xử lý theo thủ tục kiểm soát sản phẩm không phù hợp SX-QL10.

### **5.5.3 Thông báo đến các khách hàng liên quan**

Nếu phát hiện có sự không phù hợp đối với sản phẩm của Công ty sau khi đã chuyển giao tới tay khách hàng hoặc người tiêu dùng thông qua các hồ sơ liên quan đến việc kiểm hoá lý, vi sinh, kháng sinh hoặc các báo cáo xử lý sản phẩm không phù hợp, phó chủ tịch TSX có trách nhiệm thông báo các thông tin cần thiết về sản phẩm cho khách hàng theo yêu cầu thông qua các kênh nhanh nhất và hiệu quả nhất gồm điện thoại, email, hoặc fax hoặc qua các phương tiện hiệu quả và chính thống khác để khách hàng kịp thời thu hồi lô hàng và đảm bảo các sản phẩm không phù hợp không đến tay người tiêu dùng.

Đơn vị nhà cung cấp đề nghị đơn vị hệ thống truy xuất nguồn gốc tạo lệnh cảnh báo sản phẩm lỗi và cần được thu hồi trên hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại phòng trường hợp người tiêu dùng mua phải khi quét thông tin kiểm tra sẽ nhận được cảnh báo sản phẩm buộc phải thu hồi.

### **5.5.4 Thương lượng và đưa ra hướng giải quyết**

+ Quản lý đơn vị (Giám đốc Công ty, chủ nhiệm HTX) có trách nhiệm liên hệ và thương lượng với khách hàng để thống nhất cách giải quyết. Tùy theo tình hình thực tế của nước nhập khẩu và mức độ không phù hợp của lô hàng mà việc giải quyết có thể được thực hiện theo các hướng sau:

<b>QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 12/26

+ Công ty thu hồi sản phẩm về và xử lý sản phẩm theo thủ tục kiểm soát sản phẩm không phù hợp SX-QL10 nếu khách hàng cho phép thu hồi sản phẩm về.

+ Khách hàng sẽ trực tiếp thu hồi và xử lý và mọi chi phí về việc xử lý Công ty sẽ chịu trách nhiệm bồi hoàn cho khách hàng tùy theo thỏa thuận hợp đồng ban đầu.

+ Khách hàng thu hồi và hủy bỏ lô hàng theo quy định của nước nhập khẩu, trong trường hợp này Công ty phải bồi thường cho khách hàng một cách thỏa đáng về lô hàng đã bị hủy bỏ.

+ Trong các trường hợp này, Công ty có trách nhiệm thương lượng với khách hàng để xin ý kiến xử lý để đảm bảo sản phẩm không phù hợp, không chuyển giao tới tay người tiêu dùng. Việc thu hồi và xử lý sản phẩm phụ thuộc vào yêu cầu của khách hàng.

## 6. Biểu mẫu áp dụng

TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu	Thời gian lưu	Nơi lưu
1	Biểu mẫu truy xuất	SX-QL13-BM1	3 năm	Công ty

<b>BIỂU MẪU TRUY XUẤT</b>	Số hiệu: SX-QL9-BM1
	Lần ban hành: 01
	Lần sửa đổi: 00
	Ngày hiệu lực:

## 1. THÔNG TIN TRUY XUẤT – CÁC HỒ SƠ LIÊN QUAN

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

## 2. XÁC ĐỊNH NGUỒN GỐC VÀ LÔ SẢN PHẨM CẦN TRUY XUẤT

# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 13/26

### 3. XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN LÔ SẢN PHẨM CẦN TRUY XUẤT

### 4. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP XỬ LÝ

### 5. DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC

..., Ngày ... tháng ... năm ...

**Người truy xuất**

**Phê duyệt**

### Phân tích tính huống thực tế: Sự cố Patê Minh Chay

#### Diễn biến và thực trạng

Từ 13.7 đến 18.8.2020, 9 ca bệnh bị ngộ độc thực phẩm đã phải điều trị tại các bệnh viện từ một số tỉnh/thành phố trong cả nước. Qua điều tra cho thấy các bệnh nhân đều sử dụng sản phẩm Pate Minh Chay của Công ty TNHH Hai Thành viên Lối sống mới.

# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 14/26

Ngày sau khi có thông tin một số ca ngộ độc, ngày 20.8 cơ quan kiểm tra công ty và yêu cầu tạm dừng sản xuất.

Từ ngày 1/7 đến 22/8, thống kê có **11.771 khách hàng mua** 13 loại sản phẩm của công ty, riêng sản phẩm **patê Minh Chay 7.449 khách hàng**.

Chủ cơ sở cho biết: Quá trình sản xuất sử dụng máy hấp tiệt trùng 120 độ C trong vòng 45 phút, không dùng hóa chất. **Việc phát sinh vi khuẩn độc vượt ngoài tầm kiểm soát**. Khẳng định doanh nghiệp không làm các sản phẩm độc hại cho người tiêu dùng.

Nguyên liệu mà công ty sử dụng là chân nấm hương hữu cơ, chân nấm hương, mộc nhĩ, nấm hương khô, nấm hương khô organic, nấm đùi gà to, nấm đùi gà non, nấm sò yên... để sản xuất. **Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra, công ty không xuất trình được đầy đủ hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ các loại nguyên liệu**.

Công ty cũng chưa cung cấp được số lượng nguyên liệu nhập kho; số lượng toàn bộ sản phẩm đã sản xuất; số lượng sản phẩm đã cung cấp ra thị trường, các hồ sơ theo dõi sản xuất trong thời gian từ 1/7 đến 28/8 để phục vụ cho công tác điều tra ngu yên nhân, truy xuất nguồn gốc.

Ngày 28/8, Viện Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm quốc gia và Viện Y tế công cộng TP HCM đều công bố kết quả cho hay các mẫu pate Minh Chay nguyên hộp chứa loại vi khuẩn yếm khí tạo độc tố botulinum

## **Đứng từ góc độ quy trình kiểm soát và cấp mã Qrcode.**

Do Pate Minh chay chưa thực sự áp dụng TXNG một cách triệt để nên quy trình quản lí và giải quyết sự cố không được giải quyết một cách bài bản, khoa học, dẫn đến sự việc kéo dài, gây thiệt hại nghiêm trọng cho doanh nghiệp.

Công ty có tem nhãn thể hiện về thông tin sản phẩm, nhưng không thể truy vết lại và không quy trách nhiệm cho các bên liên quan trong chuỗi cung ứng

Tem QR, về bản chất, là tem chứa thông tin, nhưng thông tin nhập vào phải đúng các bước và đúng yêu cầu về nhật ký điện tử, về các yêu cầu liên quan đến an toàn VSTP. Với tem QR được nhập liệu đúng và đủ các bước, việc truy vết và tìm ra các nguyên nhân của sự cố sẽ thuận lợi và có căn cứ cho các cơ quan chức năng xử lý sự việc đúng pháp luật.



# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 15/26

## PHỤ LỤC 1

### Khuyến nghị áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc XTTM

#### Đối với đơn vị quản lý và vận hành hệ thống TXNG XTTM.

- Cần phải có đội ngũ cán bộ/hoặc cán bộ được huấn luyện đào tạo, có năng lực quản lý hệ thống TXNG.

- Cần phải có cán bộ có năng lực về công nghệ thông tin để có thể vận hành và giám sát hoạt động sản xuất khi áp dụng TXNG.

- Cần hiểu rõ hệ thống và quy trình kiểm soát và cấp mã QR code đối với sản phẩm nông sản:

Bước 1: Đơn vị giám sát sản xuất hoặc chi cục bảo vệ thực vật và trồng trọt tỉnh kiểm tra.

- Đơn vị sản xuất, thu mua đóng gói tại địa phương về cơ sở sản xuất, thu mua, đóng gói

- Kiểm tra đơn vị trồng trọt xác định lô hàng sẽ thu hoạch, tiến hành lấy mẫu lấy mẫu xét nghiệm

- Gửi mẫu lên phòng xét nghiệm .

- Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ và giám sát hoạt động sản xuất.

Bước 2. Công ty xét nghiệm.

- Hướng dẫn chi cục bảo vệ thực vật hoặc đơn vị giám sát lấy mẫu theo quy trình của phòng xét nghiệm.

- Tiến hành phân tích mẫu theo yêu cầu của bên mua hoặc theo thông tư 50 của Bộ Y tế

- Lưu mẫu và phân tích kiểm nghiệm

- Trả kết quả theo quy trình

Bước 3. Chi cục quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản hoặc đơn vị giám sát.

- Căn cứ kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu từ phòng xét nghiệm .

- Căn cứ từ hồ sơ giám sát của đơn vị giám sát hoặc Chi cục BVTV và Trồng trọt đạt yêu cầu.

- Chi cục quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản tiến hành cấp giấy xác nhận vệ sinh an toàn thực phẩm ( nếu có)

Bước 4. Hệ thống truy xuất xúc tiến thương mại của cục xúc tiến thương mại.

- Nhận thông tin yêu cầu từ đơn vị sản xuất về việc tiến hành áp dụng truy xuất nguồn gốc

- Thu tập dữ liệu từ:

+ Đơn vị trồng về nhật ký sản xuất dưới dạng hồi ký để cập nhật dữ liệu của lô sản xuất, sản lượng dự kiến.

+ Đơn vị giám sát từ Chi Cục BVTV và Trồng trọt về việc xác minh lô hàng có đúng với lô/ thửa do đơn vị sản xuất cung cấp hay không? Thông tin lấy mẫu phẩm xét nghiệm từ đơn vị giám sát gửi về phòng xét nghiệm.

+ Thông tin từ phòng xét nghiệm, hồ sơ mẫu phẩm, kết quả mẫu phẩm.

+ Thông tin giấy chứng nhận từ Chi cục quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản ( nếu có).

# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 16/26

- Sau khi đủ thông tin về sản phẩm, điều kiện về chất lượng, tiến hành cấp tem QR code cho lô hàng theo quy trình cấp tem cho đơn vị đóng gói sản xuất khi đã đủ các điều kiện của các bước 1,2,3 trên.
- Giám sát sử dụng tem, tiến hành cảnh báo người dùng hoặc thu hồi nếu phát hiện gian lận trong quá trình người sản xuất sử dụng tem truy xuất gốc tiến thương mại

## **Đối với đơn vị sản xuất/nông dân sản xuất trực tiếp.**

- Đơn vị sản xuất/người nông dân cần được huấn luyện, đào tạo, tư vấn thường xuyên để có thể sử dụng quy trình kiểm soát và cấp mã QR code một cách hiệu quả.

- Cần hiểu rõ bản chất của quy trình kiểm soát và cấp mã QR code, đặc biệt là điều kiện để được cấp và sử dụng mã tem TXNG.

- Từng bước nâng cao năng lực để áp dụng quy trình kiểm soát và cấp mã QR code vào sản xuất. Điều này đặc biệt quan trọng vì việc áp dụng đúng sẽ hỗ trợ chứng minh năng lực của doanh nghiệp trong việc gian lận hàng giả hàng nhái, đảm bảo luôn ổn định sản xuất, chất lượng sản phẩm, tạo niềm tin đối với khách hàng trên cơ sở minh chứng mang tính khoa học.

Nhà sản xuất/người nông dân cần được thông tin và hiểu rõ khi áp dụng quy trình kiểm soát và cấp mã QR code.

## **Đối với doanh nghiệp chế biến, thương mại hàng hóa xuất khẩu.**

Doanh nghiệp cần hiểu rõ Công Truy xuất gốc tiến thương mại là công cụ đắc lực giúp các doanh nghiệp kết nối với khách hàng toàn cầu, ngoài việc cung ứng sản phẩm với thông tin minh bạch, khi áp dụng các bộ quy trình cũng góp phần dần hoàn thiện và nâng cao năng lực chuỗi cung ứng.

Các thông tin và kiến thức doanh nghiệp cần nắm khi áp dụng quy trình kiểm soát và cấp mã QR code:

1. Quản lý và sử dụng tem truy xuất cho sản phẩm thành phẩm và cập nhật thông tin cho từng lô thành phẩm, kế thừa thông tin của các công đoạn trước cho sản phẩm (từ khâu nguyên liệu nhập ký tại nông trại...)

Tạo phiếu xuất kho điện tử xuất bán sản phẩm và mã hoá thông tin lô hàng thông qua mã Qr-code.

2. Thực hiện việc Giám sát hồ sơ sản xuất theo từng: mã số vùng trồng, lô, theo vụ, theo khu vực sản xuất và đối chiếu thời gian thực trên hệ thống truy xuất nguồn gốc gốc tiến thương mại.

3. Thực hiện việc bảo mật thông tin theo quy định của nhà nước sở tại và theo hợp đồng với khách hàng theo từng trường hợp cụ thể

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 17/26

4. Thống kê sản lượng theo thời gian cho từng lô chế biến trên cùng hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại

5. Là kênh thông tin truyền thông và tiếp thị hiệu quả tới người mua hàng trong nước và các nhà nhập khẩu để tăng doanh thu và lợi nhuận.

#### **Đối với người tiêu dùng.**

Trên thực tế, Công Truy xuất xúc tiến thương mại là công thông tin chính thống về truy xuất nguồn gốc và xúc tiến thương mại. Nó giúp người tiêu dùng tiếp cận được sản phẩm minh bạch về nguồn gốc và chất lượng, tạo ra thói quen mua hàng là phải có nguồn gốc xuất xứ. Sử dụng tem truy xuất nguồn gốc đơn giản, tiện lợi và nhanh chóng chỉ thông qua một thao tác quét mã đơn giản có thể biết rõ về nguồn gốc, xuất xứ, ... sản phẩm. Khách hàng có thể an tâm và hoàn toàn tin tưởng đối với những doanh nghiệp luôn luôn chủ động trong việc có quy trình kiểm soát và cấp mã QR code đảm bảo sản xuất và an toàn về chất lượng cũng như số lượng.

Khi áp dụng quy trình kiểm soát và cấp mã Qrcode người tiêu dùng quan tâm đến những thông tin sau:

- Tên sản phẩm, hàng hóa;
- Hình ảnh sản phẩm, hàng hóa;
- Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh;
- Địa chỉ sản xuất, kinh doanh;
- Các công đoạn trong sản xuất, kinh doanh (tối thiểu bao gồm trang thiết bị, nhân sự của từng công đoạn);
- Thời gian sản xuất, kinh doanh (thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc);
- Kết quả đơn vị giám sát độc lập;
- Kết quả xét nghiệm căn cứ theo hồ sơ giám sát, theo lô hàng hóa sản xuất;
- Mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;
- Số sê-ri sản phẩm (nếu có);
- Các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực được áp dụng.

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 18/26

## PHỤ LỤC 2

### Lưu ý khi tham gia vào công TXNG xúc tiến thương mại

#### - Đơn vị triển khai truy xuất nguồn gốc

Quá trình xây dựng và áp dụng hệ thống **truy xuất xúc tiến thương mại** vào trang trại

- Tập huấn quy định về truy xuất nguồn gốc xuất xứ theo quy định hiện hành.

- Xây dựng cơ chế, cách nhận biết và truy xét nguồn gốc sản phẩm (ghi chép và lưu hồ sơ về nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất trong trang trại và khách hàng mua sản phẩm đầu ra); hoạt động này nên được tiến hành lồng ghép với việc kiểm soát hoạt động sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Thực hiện thủ tục đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu thương mại trong nước và quốc tế (nếu cần) và các biện pháp thực tiễn để chống hàng giả, hàng nhái.

- Thực hiện các giải pháp tiếp thị hữu hiệu để kết nối với thị trường (hệ thống phân phối, thông tin trên nhãn/ bao bì, quảng cáo, triển lãm, hội thảo, hoạt động xã hội / công ích...)

#### - Cho người quản lý điều hành hệ thống TXNG

Để có được thị trường và giá bán tốt hơn, các nhà sản xuất cần (tự mình hoặc có sự hỗ trợ của tư vấn) thực hiện các hoạt động chính sau đây:

- Đào tạo nhận thức chung về vai trò và tác dụng của việc xây dựng và áp dụng hệ thống **truy xuất xúc tiến thương mại** cho tất cả người làm.

- Nghiên cứu tiêu chuẩn, quy phạm pháp luật của nơi sản xuất và thị trường xuất khẩu để xây dựng cách thức nuôi/ trồng đáp ứng yêu cầu.

- Thực hiện việc nuôi/ trồng theo quy trình đã xây dựng, ghi chép và lưu hồ sơ cần thiết theo yêu cầu đã xây dựng.

- Đào tạo đánh giá viên nội bộ và tiến hành đánh giá nội bộ trước khi đăng ký chứng nhận.

- Tham gia và thực hiện quá trình chứng nhận với tổ chức chứng nhận đã được công nhận và phê duyệt.

- Thực hiện tiếp các hoạt động xây dựng thương hiệu và thị trường để có được giá bán tốt hơn.

### Lưu ý cho Cục Xúc tiến thương mại

Cục XTTM là đơn vị vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc, ban hành ra các quy trình nhằm giúp các đơn vị sản xuất, chế biến, công ty thương mại, người tiêu dùng tuân

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 19/26

thủ các quy trình và phân rõ trách nhiệm thuộc về ai tại mỗi khâu trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ. Đây cũng là cơ sở để phân định trách nhiệm có liên qua đối với người tiêu dùng cuối cùng khi xảy ra sự cố.

- Với các đơn vị cung cấp dịch vụ TXNG, Cục XTTM cần có các bước hợp chuẩn với người mua, đặc biệt là thị trường nhập khẩu, có cách thức hướng dẫn các đơn vị cung cấp TXNG khác để triển khai đúng đúng 05 Quy trình thuộc bộ áp dụng cho nhà sản xuất: (1) Quy trình đánh giá nhà cung cấp; (2) Quy trình quản lý sự cố khẩn cấp; (3) Quy trình kiểm soát động vật gây hại; (4) Quy trình kiểm soát và cấp mã QR code; (5) Quy trình quản lý giám sát Tập huấn các đơn vị tham gia trong chuỗi sản xuất hiểu rõ và vận hành theo quy trình.

Với vai trò điều phối Hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc, đặc biệt về hoạt động quản lý chuỗi lượng cho sản phẩm sử dụng dịch vụ TXNG, Cục XTTM cần có cơ chế điều hành và khuyến cáo các đơn vị sản xuất áp dụng quy trình.

- Tập huấn các đơn vị tham gia trong chuỗi sản xuất hiểu rõ và vận hành theo quy trình

- Hỗ trợ điều phối quy trình khi xảy ra sự cố liên quan đến chất lượng sản phẩm gây thiệt hại hoặc nguy hiểm cho người tiêu dùng, nếu là các hoạt động trong khuôn khổ của Hệ sinh thái.

- Chứng nhận cho những đơn vị tham gia trong chuỗi sản xuất áp dụng truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại.

- Hợp chuẩn về thông tin liên quan đến TXNG, quy định về kiểm soát chất lượng với những thị trường mục tiêu mà hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 20/26

### PHỤ LỤC 3

#### **Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến txng**

##### **Bối cảnh quốc tế**

Từ năm 2005, Liên minh Châu Âu quy định cụ thể về việc truy xuất nguồn gốc là quy định bắt buộc cho các nước thành viên.

Thái Lan ban hành chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc điện tử, xây dựng công thông tin truy xuất nguồn gốc điện tử để nông dân vào đăng ký dùng miễn phí. Tất cả các sản phẩm chuối nải, chuối quả, sầu riêng quả bán ở cửa hàng rau quả nhỏ ở Thái Lan cũng được dán mã QR code. Hoạt động này được Thái Lan triển khai mạnh từ năm 2010.

Hoa Kỳ ban hành Luật Hiện đại hóa An toàn thực phẩm. Nội dung chính gồm: yêu cầu tăng cường theo dõi, truy vết, lưu trữ hồ sơ đối với thực phẩm nguy cơ cao.

Ireland, Canada quy định nghiêm ngặt về việc dán nhãn mác, nhận diện sản phẩm, cơ sở sản xuất. Ở Ấn Độ, từ năm 2006, các nhà sản xuất, chế biến nho đã thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử GrapeNet.

Trung Quốc bắt buộc từ ngày 1-1-2019, các loại nông sản xuất qua thị trường nước này đều phải đăng ký thông tin nhà vườn, nhà xưởng, bao bì gửi cho Hải quan Trung Quốc. Cụ thể, các sản phẩm trái cây tươi xuất khẩu sang TQ phải dán tem XTNG với thông tin minh bạch.

##### **Thực tế Việt Nam**

TXNG là hoạt động còn khá mới. Nhiều đơn vị sản xuất, nhiều doanh nghiệp còn chưa thực sự hiểu rõ nội hàm của TXNG.

Thời gian qua, tem TXNG hàng hoá chưa được chuẩn hoá tại Việt Nam, chưa có quy định pháp lý cụ thể cho tem và QR code. Do đó, hiện tại, mỗi đơn vị cung cấp giải pháp TXNG đang làm theo cách của riêng mình, thông tin không đầy đủ gây hoài nghi cho người tiêu dùng về hiệu quả của các hệ thống TXNG trên thị trường.

Hiện đang có nhiều cơ sở, DN sử dụng mã QR để cung cấp thông tin về sản phẩm và gọi đó là tem TXNG trong khi hoạt động này không có sự chuẩn hoá về thông tin liên quan đến nội dung và hình thức. Tem này về bản chất chỉ mới sử dụng được hệ thống mã nội bộ, chưa thể được coi là TXNG vì không kết nối được với các cơ quan quản lý, không có khả năng mở để các bên tham gia hệ thống TNXG khác, không có khả năng kết nối với các hệ thống TXNG của các nước khác.

Có thể thấy, TXNG là một hoạt động do khách hàng yêu cầu nhà cung ứng sản phẩm phải áp dụng. Đặc biệt, TXNG hỗ trợ DN kinh doanh trong quản lý và vận hành hoạt động. Đây còn là công cụ đắc lực hỗ trợ cho các DN trong chuỗi xử lý các sự cố liên quan đến khiếu nại hay lỗi trong quá trình vận hành, sản xuất, hậu cần. Nói cách

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 21/26

khác, thông qua hệ thống truy xuất nguồn gốc, doanh nghiệp có thể nhanh chóng phát hiện và xử lý kịp thời sự cố xảy ra đối với sản phẩm, đồng thời giúp xác định và khoanh vùng chính xác sản phẩm có vấn đề để thực hiện kịp thời các hành động thu hồi hoặc loại bỏ sản phẩm khỏi chuỗi cung ứng.

Việc sử dụng tem TXNG tại Việt Nam và thế giới ngày càng phổ biến. Người tiêu dùng và các bên liên quan có thể truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác, qua đó nâng cao niềm tin của người tiêu dùng vào các sản phẩm có gắn tem TXNG. Các tiêu chuẩn như ISO, GTS, HACCP... cũng được tích hợp trong TXNG hỗ trợ các bên tham gia trong chuỗi.

### **Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại**

Hệ thống TXNG xúc tiến thương mại là hệ thống do Cục XTTM với sự hỗ trợ kỹ thuật từ GIZ (Đức) phát triển. Mục tiêu hướng đến của hệ thống TXNG là từng bước phát triển Hệ sinh thái XTTM, tiến hành các hoạt động TXNG cho các sản phẩm tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, đặc biệt, là các hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ đầu ra.

Các sản phẩm được TXNG đều được Cục XTTM định hướng các hoạt động đầu ra theo các kênh từ truyền thống như chấp môi kinh doanh, nghiên cứu thị trường, khảo sát thị trường, hội chợ triển lãm... đến các phương thức mới, áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại như kết nối trực tuyến, xây dựng mạng lưới trực tuyến, thương mại điện tử (thông qua các sàn TMĐT trong và ngoài nước).

Thực tế, hệ thống TXNG XTTM triển khai các hoạt động như đào tạo và cung ứng giải pháp kiểm soát và truy xuất nguồn gốc nông nghiệp, phát triển hướng đến 100% hàng hóa có hồ sơ nguồn gốc xuất xứ và đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của thị trường người tiêu dùng.

Một trong các chức năng chính của tiêu chuẩn Hệ thống TXNG xúc tiến thương mại.

- Chức năng nhật ký điện tử: Đây là chức năng quan trọng, giúp các doanh nghiệp, HTX, Nông dân có thể cập nhật thay thế cho ghi chép tay và cũng là chức năng mà các nhà nhập khẩu, người mua hàng yêu cầu.

- Chức năng kiểm định: phân quyền độc lập trên hệ thống truy xuất nguồn gốc, liên kết dữ liệu sản xuất theo lô, công bố kết quả minh bạch, là chức năng quan trọng hỗ trợ cho doanh nghiệp sản xuất và người bán hàng cuối cùng tự tin về chất lượng.

- Chức năng hậu cần (logistics): Điểm quan trọng trong chuỗi và cũng là điểm không thể thiếu trong hệ sinh thái TXNG. Để truy vết và hỗ trợ hoạt động quản lý, chức năng này được tích hợp và là một trong những cấu phần không thể thiếu trong TXNG.

- Chức năng giám sát độc lập: phân quyền trên hệ thống truy xuất nguồn gốc. Chức năng này hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức giám sát được chỉ định do bên mua hàng hoặc bộ phận giám sát của công ty có thể giám sát toàn bộ quá trình sản xuất của đơn vị sản xuất, nông trại một cách dễ dàng và hiệu quả.

<b>QUY TRÌNH</b>  <b>KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR</b>	Số hiệu: SX-QL13
	Lần ban hành/sửa đổi: 01/00
	Ngày hiệu lực:
	Trang: 22/26

• Chức năng kết nối tiêu thụ bán hàng, xúc tiến thương mại: Đây là chức năng khác biệt của hệ thống TXNG XTTM do Cục XTTM vận hành. Như đã nêu, các sản phẩm được dán thêm TXNG của hệ thống sẽ được hỗ trợ và tư vấn đầu ra theo các kênh phù hợp, từ truyền thống đến áp dụng công nghệ, thương mại điện tử.

Khuyến nghị của nhóm tư vấn cho nhà sản xuất, đặc biệt đối với sản phẩm nông sản, thực phẩm, liên quan đến sức khỏe và bảo vệ môi trường sống, cần cân nhắc các yếu tố sau nhằm xây dựng niềm tin và hình ảnh sản phẩm chất lượng, minh bạch thông tin cho khách hàng:

- Áp dụng quy trình truy xuất nguồn gốc, nuôi trồng an toàn theo Hệ thống TXNG xúc tiến thương mại.

- Phát triển và vận hành nhật ký điện tử hoạt động này nên được tiến hành lồng ghép với việc kiểm soát hoạt động sản xuất và giám sát của bên thứ 3 theo tiêu chuẩn. Đây là hoạt động khá thách thức, cần có sự hướng dẫn và đồng hành của đơn vị điều hành hệ thống TXNG đối với từng đối tượng cụ thể.

- Đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu thương mại: Đây là hoạt động cần làm để hỗ trợ việc chống hàng giả, hàng nhái, xúc tiến thương mại thành công hơn

Liên kết và chấp mối kinh doanh: các giải pháp kết nối với thị trường theo các phương thức đa dạng từ trực tiếp đến trực tuyến. Ngoài việc kết nối, các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật tiếp nối để các đơn hàng được xuất khẩu thành công và bền vững.



# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

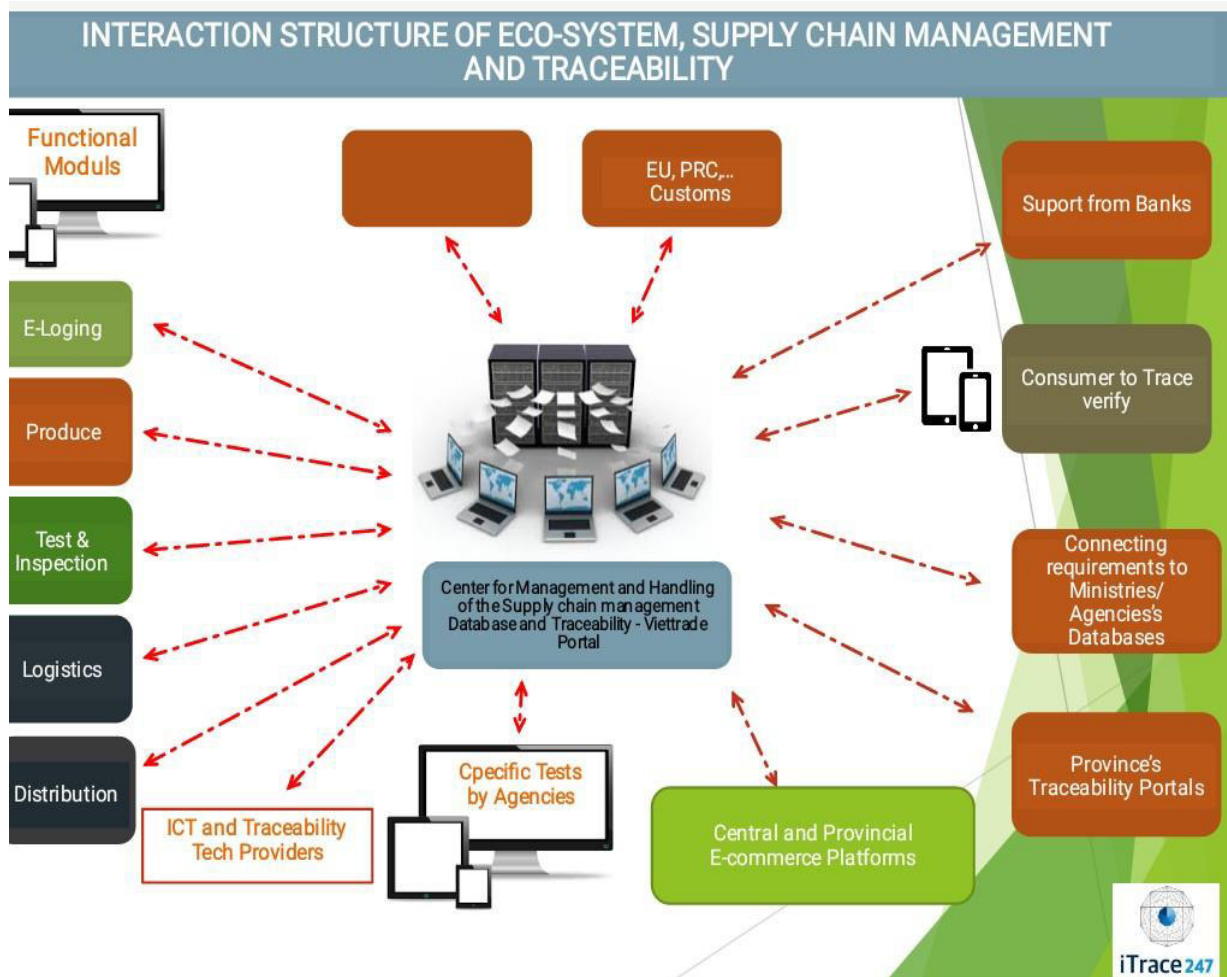
Ngày hiệu lực:

Trang: 23/26

## PHỤ LỤC 4

### Sơ đồ vận hành công truy xuất xứ tiến thương mại

(Nguồn: Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương cung cấp)



# QUY TRÌNH KIỂM SOÁT VÀ CẤP MÃ QR

Số hiệu: SX-QL13

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 24/26

## PHỤ LỤC 5

### Sơ đồ về Hệ sinh thái TXNG XTTM

(Nguồn: Do Cục XTTM – Bộ Công Thương cung cấp)

Sơ đồ liên quan đến các đơn vị/tổ chức tham gia vào hệ sinh thái XTTM gồm Tổ chức tài chính, pháp lý, kiểm định. Cục XTTM là đơn vị điều phối hệ sinh thái.

Có 05 bước TXNG được tích hợp trong hệ thống (các ô dòng cuối cùng) gồm: Sản xuất (nhật ký), Giám sát, Nhà máy (đóng gói, chế biến...), Vận chuyển, Phân phối.

